

# CÔNG TY TNHH WORLD PEACE GROUP INTERNATIONAL

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH WORLD PEACE GROUP INTERNATIONAL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: WORLD PEACE GROUP INTERNATIONAL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: WORLD PEACE GROUP CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110414719

3. Ngày thành lập: 12/07/2023

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 6, tòa VMT, số 1, ngõ 82, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0356366199

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá)<br>Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4610     |
| 2.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4651     |
| 3.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4652     |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4653     |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);<br>Bán buôn máy móc, thiết bị y tế | 4659     |
| 6.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết:<br>Tổ chức hội chợ, triển lãm, hội thảo, hội nghị, biểu diễn nghệ thuật, tổ chức sự kiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8230     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh<br>(Loại trừ dịch vụ báo cáo tòa án, hoạt động đấu giá độc lập, dịch vụ lấy lại tài sản)                                                                                                                                                                                          | 8299(Chính) |
| 8.  | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 9511        |
| 9.  | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 9521        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Dịch vụ máy tính khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6209        |
| 11. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6399        |
| 12. | Quảng cáo<br>(Trừ quảng cáo rượu, thuốc lá và các loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7310        |
| 13. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác;                                                                                                                                                                                                   | 7410        |
| 14. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Tư vấn về công nghệ khác<br>(Loại trừ hoạt động tư vấn chứng khoán)                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7490        |
| 15. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4690        |
| 16. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2610        |
| 17. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2620        |
| 18. | Sản xuất thiết bị truyền thông<br>- Sản xuất thiết bị truyền dữ liệu và điện thoại được sử dụng để chuyển tín hiệu điện tử thông qua dây dẫn hoặc không khí như đài phát thanh và trạm vô tuyến và các thiết bị truyền thông không dây;<br>- Sản xuất thiết bị truyền dữ liệu, như cổng, thiết bị truyền dẫn;<br>- Sản xuất ăngten thu phát;<br>- Sản xuất thiết bị cáp vô tuyến;<br>- Sản xuất môdem, thiết bị truyền tải; | 2630        |
| 19. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2640        |
| 20. | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2732        |
| 21. | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2817        |
| 22. | Sản xuất máy thông dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2819        |
| 23. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4799        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 24. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4931 |
| 25. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định<br>Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4932 |
| 26. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4933 |
| 27. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động gia công phần mềm<br>- Dịch vụ quản trị, bảo hành, bảo trì hoạt động của phần mềm và hệ thống thông tin;<br>- Dịch vụ tư vấn, đánh giá, thẩm định chất lượng phần mềm;<br>- Dịch vụ tư vấn, xây dựng dự án phần mềm;<br>- Dịch vụ tư vấn định giá phần mềm;<br>- Dịch vụ chuyển giao công nghệ phần mềm;<br>- Dịch vụ tích hợp hệ thống;<br>- Dịch vụ bảo đảm an toàn cho sản phẩm phần mềm, hệ thống thông tin;<br>- Dịch vụ phân phối, cung ứng sản phẩm phần mềm; | 6190 |
| 28. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                       | 7730 |
| 29. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ sản xuất hóa chất, vật liệu xây dựng, ống nhựa)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3290 |
| 30. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3312 |
| 31. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3313 |
| 32. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3314 |
| 33. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3320 |
| 34. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4741 |
| 35. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4742 |

**6. Vốn điều lệ:** 200.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ NGÂN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 08/12/1990 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 019190000499

Ngày cấp: 27/11/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Văn Lâm, Xã Ninh Hải, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Văn Lâm, Xã Ninh Hải, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ NGÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/12/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 019190000499

Ngày cấp: 27/11/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Văn Lâm, Xã Ninh Hải, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Văn Lâm, Xã Ninh Hải, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội